

Viện Quỹ Tiền tệ Quốc tế, *Lập trình và chính sách tài chính*, 1999.

BÀI 5: Phân tích cán cân thanh toán quốc tế

1. Giới thiệu bài tập

“Liệu nguồn dự trữ của chúng ta có đủ không?” chính là tit báo đơm đầy về lo lắng đang trên mục kinh doanh của tờ *Hurriyet* số ra ngày hôm qua tại Thổ Nhĩ Kỳ. Bài báo lý luận rằng nếu dòng vốn chảy ra trong năm nay cũng nhiều như hồi năm ngoái (5,1 tỉ đôla) thì Thổ Nhĩ Kỳ sẽ không có đủ dự trữ để bù vào. Bài báo còn cho rằng sự bất ổn vốn đã bị tình trạng mất giá liên tục của đồng lira Thổ Nhĩ Kỳ làm trầm trọng sẽ tạo ra một vấn nạn nghiêm trọng cho ngoại thương. Giám đốc điều hành của một công ty trong nước xuất khẩu mặt hàng tivi sang Châu Âu đã được dẫn lời phát biểu như sau: “Tôi còn không biết mình sẽ thu được gì khi xuất tivi vào tháng sau, vậy biết trả lương công nhân bằng cái gì đây?” Bài báo này đã khuấy động các cộng đồng kinh doanh và tài chính ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Phó Thống đốc Đối ngoại của ngân hàng trung ương Thổ Nhĩ Kỳ, ông Ozturk đã triệu tập một cuộc họp để thảo luận vấn đề này, và bạn đã được mời tham dự. Nhiệm vụ của bạn là trình bày quan điểm của Vụ Phân tích Cán cân Thanh toán Quốc tế tại ngân hàng trung ương. Trước cuộc họp, bạn phải chuẩn bị một trang tài liệu đưa ra phân tích của mình cùng với các bảng biểu tóm tắt tình hình của Thổ Nhĩ Kỳ. Bạn sẽ chuyển tài liệu này cho các đồng nghiệp trong vụ để xin thêm ý kiến.

Bản phân tích của bạn cần phải xem xét các câu hỏi sau:

- Có tồn tại một khoản thâm hụt lớn trong cán cân thanh toán (CCTT) không?
- Liệu Thổ Nhĩ Kỳ có đủ ngoại hối để bù vào khoản thâm hụt như thế không?
- Mức nợ nước ngoài có quá cao không?
- Có tình trạng nợ thanh toán cho nước ngoài không?
- Có nguy cơ vốn chạy hàng loạt ra ngoài không?
- Những thay đổi gần đây về tỷ giá hối đoái có thích hợp không?

2. Tổng quan

Tính toán và đánh giá vị thế với bên ngoài của một quốc gia theo CCTT là bước không thể thiếu trong việc xây dựng chính sách kinh tế. Dữ liệu về các giao dịch thực và giao dịch tài chính giữa một nước với phần còn lại của thế giới tạo nền tảng của bất kỳ phân tích nào về vị thế với bên ngoài của một quốc gia. Những phân tích như thế có thể làm chỉ dấu đầu tiên của nhu cầu điều chỉnh chính sách kinh tế.

Bài học này nhằm giới thiệu CCTT và các thành phần của nó. Chúng tôi cố ý giữ cho phần dẫn nhập thật ngắn gọn vì phần tài liệu cần trình bày đã được thảo luận chi tiết trong đĩa CD-ROM về *Tính toán và Phân tích Cán Cân Thanh Toán Quốc tế*, có gửi kèm trong tài liệu học của

bạn. Ở đây chúng tôi chỉ bàn về khung ý tưởng cơ bản và rồi chuyển sang phân phân tích mà bạn cần phải làm để hoàn tất bài tập cho bài học này.

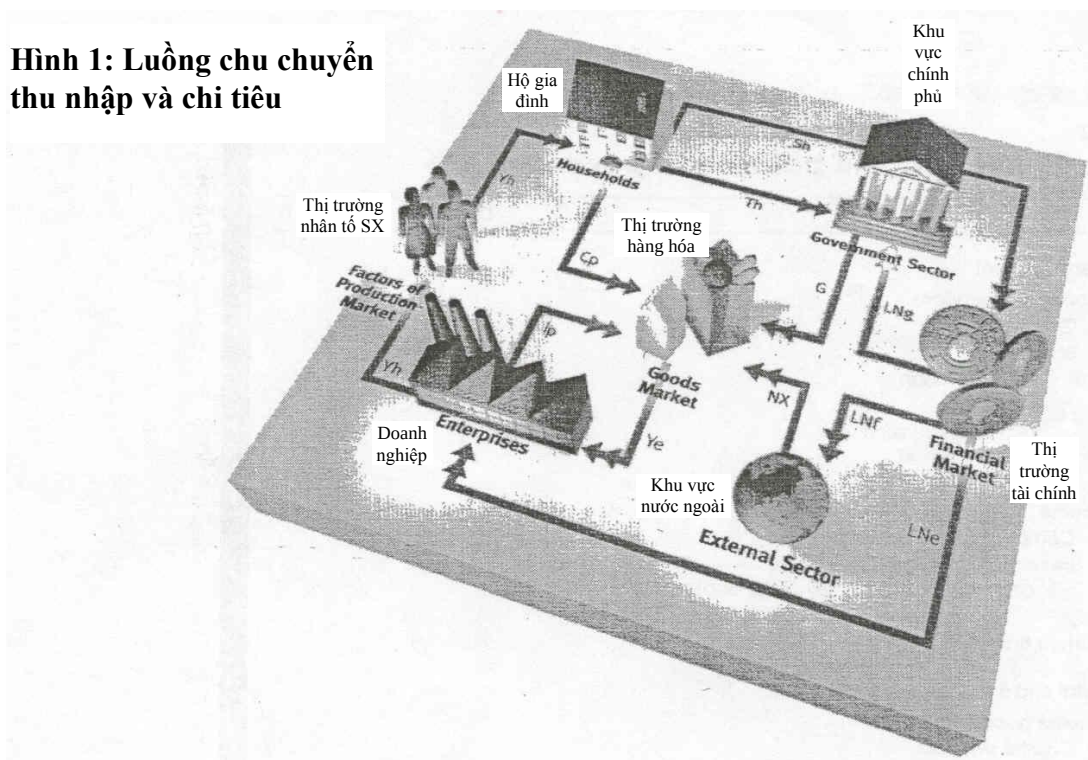
MỤC TIÊU

Sau khi học xong bài này, bạn sẽ có thể nhận diện các khó khăn chính về kinh tế trong lĩnh vực đối ngoại và những nguyên nhân sâu xa của chúng. Bạn sẽ có thể:

- nhận diện và giải thích các hạng mục chính trong tài khoản vãng lai của CCTT;
 - nhận diện và giải thích các mục chính trong tài khoản vốn và tài chính của CCTT;
 - giải thích cách tính các giao dịch trong CCTT;
 - định nghĩa cán cân ngoại thương, cán cân tài khoản vãng lai và cán cân tổng thể và thảo luận tầm quan trọng của chúng;
 - phân tích tài khoản vãng lai và định nghĩa khái niệm tính bền vững của tài khoản vãng lai;
 - phân tích gánh nặng nợ nước ngoài;
 - phân tích tính cạnh tranh của hàng hoá và dịch vụ của một nước
-

3. Cách trình bày chuẩn của CCTT

Sơ đồ của luồng chu chuyển thu nhập và chi tiêu đã được giới thiệu trong Bài 4 (được trình bày lại trong Hình 1), trong đó có bàn tới lĩnh vực đối ngoại. Sơ đồ cho thấy cách thức một nền kinh tế trao đổi hàng hóa và dịch vụ với các nước khác; đây được gọi là các giao dịch thực. Sơ đồ cũng cho thấy các hoạt động cho vay ròng, qua đó một nước có thể buôn bán tài sản tài chính với các nước khác; đây được gọi là giao dịch tài chính. Giao dịch thực và giao dịch tài chính của một nước với những đối tượng phi thường trú kết hợp với nhau để cân đối các tài khoản giao dịch với bên ngoài của một quốc gia.

Hình 1: Luồng chu chuyển thu nhập và chi tiêu

Trong bài này, ta sẽ xem xét các mối quan hệ kinh tế của một nước với phần còn lại của thế giới một cách chi tiết hơn. Chúng ta sẽ bắt đầu với định nghĩa về CCTT được đưa ra trong ấn bản lần thứ năm của *Sổ Tay về Cán Cân Thanh Toán Quốc tế* của IMF:

CCTT là một bản thống kê tóm tắt một cách hệ thống, trong một khoảng thời gian nhất định, các giao dịch kinh tế của một nền kinh tế với phần còn lại của thế giới. Các giao dịch, đa số là giữa đối tượng thường trú và phi thường trú, gồm có các giao dịch về hàng hóa, dịch vụ và thu nhập; và các giao dịch về trái quyền tài chính và nợ đối với phần còn lại của thế giới.

Phản thảo luận của chúng ta sẽ bắt đầu bằng hai câu hỏi:

- Những gì được tính vào những hạng mục mà chúng ta thấy trong CCTT?
- Đây là những nguyên tắc quy định việc tính toán trong CCTT? Hay nói cách khác, ý nghĩa của các hạng mục là gì?

Hình 2: Phân loại cán cân thanh toán

	Có	Nợ
1) Tài khoản vãng lai		
A. Hàng hóa và dịch vụ		
Hàng hóa		
Dịch vụ		
Giao thông vận tải		
Du lịch		
Dịch vụ nhà nước		
Dịch vụ khác		

B. Thu nhập

Thu lao động

Thu nhập từ đầu tư

Trong đó: lãi vay nước ngoài.

C. Chuyển giao vãng lai**2) Tài khoản vốn và tài chính****A. Tài khoản vốn**

Chuyển giao vốn

Mua/thanh lý các tài sản phi tài chính và không sinh lợi.

B. Tài khoản tài chính

Đầu tư trực tiếp

Đầu tư gián tiếp (chứng khoán)

Đầu tư khác

Các khoản vay, tín dụng ngoại thương

Sử dụng tín dụng IMF và các khoản vay từ IMF

Tài sản dự trữ

Vàng

SDRs (quyền rút vốn đặc biệt)

Tình trạng dự trữ tại IMF

Ngoại hối

Các trái quyền khác

Nguồn: *Sổ Tay Cán Cân Thanh Toán Quốc tế* (Balance of Payments Manual), IMF, ấn bản lần thứ 5, năm 1993

3.1 Các mục chính trong CCTT

Hình 2 minh họa cách trình bày chuẩn của CCTT và đưa ra cái nhìn tổng quan về các thành phần của CCTT. Như trên hình, các mục chính là **tài khoản vãng lai** và **tài khoản vốn và tài chính**.

Tài khoản vãng lai

Tài khoản vãng lai được chia thành bốn mục: hàng hóa, dịch vụ, thu nhập và chuyển giao vãng lai. Chúng ta gọi những giao dịch được ghi lại trong tài khoản vãng lai là **các giao dịch thực**.

Các giao dịch được xếp vào mục **hàng hóa** cho thấy những thay đổi trong quyền sở hữu của các sản phẩm hữu hình. Những mục này gồm có hai loại: hàng tiêu dùng (như thực phẩm, quần áo và thuốc men) và hàng tư bản (máy móc và phương tiện vận tải chẳng hạn). Mục **dịch vụ** gồm các khoản như giao thông vận tải, bảo hiểm và du lịch.

Thu nhập cho thấy các khoản thu được từ nước ngoài bởi đối tượng thường trú (bên có) và các khoản thu của đối tượng phi thường trú trong nền kinh tế của chúng ta (bên nợ). Ví dụ bao gồm lương của đối tượng thường trú trong nước làm việc ở nước ngoài chưa tới một năm, lãi vay nước ngoài và cổ tức của các khoản đầu tư ra nước ngoài.

Chuyển giao vãng lai là quà tặng bằng tiền hay hiện vật cho đối tượng phi thường trú hay của đối tượng phi thường trú, kể cả cá nhân và chính phủ nước ngoài. Một hình thức chuyển giao đặc biệt quan trọng là tiền gửi về nhà do những lao động làm việc ở nước ngoài hơn một năm. Những khoản chuyển tiền này, nhằm hỗ trợ các gia đình trong nước (đối tượng thường trú), không được tính vào mục thu nhập vì những lao động này được xem là đối tượng phi thường trú – họ chính là người thường trú của nước ngoài nơi họ đang sống và làm việc.

Tài khoản vốn và tài chính

Mục chính trong tài khoản vốn là chuyển giao vốn. Chuyển giao vốn thường bắt nguồn từ các chính phủ nước ngoài và được dùng để tài trợ cho các dự án đầu tư và mua máy móc, thiết bị. Bất kỳ khoản nợ nào được xóa cũng phải được ghi vào mục này như là phần tương ứng với lần ghi trong mục đầu tư khác.

Tài khoản tài chính có bốn hạng mục chức năng: đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp, đầu tư khác và tài sản dự trữ. Chúng ta gọi những giao dịch được ghi lại trong tài khoản vốn và tài chính là các **giao dịch tài chính**.

Đầu tư trực tiếp tính các khoản đầu tư vào trong nước sở tại bởi các nhà đầu tư nước ngoài hay của các nhà đầu tư trong nước ra nước ngoài. Đây là các nhà đầu tư nắm giữ cổ phần (ít nhất là 10 % tổng số vốn) trong một doanh nghiệp với mục tiêu trở thành người quản lý duy nhất hay đồng quản lý.

Đầu tư gián tiếp là mua cổ phiếu và trái phiếu với ý định kiếm cổ tức và tiền lãi từ một doanh nghiệp, chứ không phải là đứng ra quản lý doanh nghiệp đó.

Đầu tư khác gồm có các khoản vay chính phủ, tín dụng ngoại thương ngắn hạn và đa số các giao dịch giữa các ngân hàng thương mại của nước sở tại và phần còn lại của thế giới. Phần trình bày tiêu chuẩn này của CCTT cũng có cả khoản vay từ Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, cùng với các khoản nợ khác của ngân hàng trung ương.

Cũng được tính trong bên nợ là việc thanh toán nợ gốc của các khoản nợ hiện hữu và bất kỳ khoản xóa nợ nào. Như đã đề cập ở trên, phần tương ứng của mục xóa nợ được ghi vào bên có của mục chuyển giao vốn.

Trong mục **tài sản dự trữ**, chúng ta sẽ thấy những thay đổi trong tổng tài sản nước ngoài của ngân hàng trung ương. Những tài sản này gồm có ngoại hối (tiền mặt, tiền gửi và chứng khoán), vàng, quyền rút vốn đặc biệt (SDR) và tình hình dự trữ của nước sở tại trong IMF. Tài sản dự trữ thuộc quyền kiểm soát hoàn toàn của các cơ quan quản lý tiền tệ và thường được dùng để tài trợ cho thâm hụt CCTT. Ngân hàng trung ương cũng có thể dùng dự trữ của mình để can thiệp vào thị trường ngoại hối khi muốn tác động đến tỉ giá hối đoái.

3.2 Các nguyên tắc kế toán CCTT

Việc ghi sổ trong CCTT phải tuân theo một số nguyên tắc chính.

Thường trú

Một giao dịch được ghi lại trong CCTT khi đó là giao dịch giữa một đối tượng thường trú của nước sở tại và một đối tượng phi thường trú. Vì thế, điều quan trọng là cần xác định thật rõ ràng thế nào là thường trú. **Đối tượng thường trú** của một nước gồm có những cá nhân đã sống tại nước đó trong một thời gian nhất định, các doanh nghiệp được thành lập tại nước đó và chính phủ nước đó. **Đối tượng phi thường trú** là các cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ thỏa mãn định nghĩa về thường trú của một nước khác.

Cá nhân thường được xem là thường trú nếu họ đã sống tại nước sở tại ít nhất là một năm hoặc có ý định sống tại đó ít nhất là một năm. Đối tượng phi thường trú gồm có khách nước ngoài (du khách, thủy thủ hoặc phi hành đoàn và công nhân thời vụ chẳng hạn), những cá nhân

sống và làm việc tại nước sở tại chưa tới một năm, các nhà ngoại giao và thành viên của các lực lượng vũ trang nước ngoài đóng tại nước sở tại.

Doanh nghiệp thường được xem là đối tượng thường trú của nước sở tại nơi họ đang kinh doanh miễn là họ có ít nhất một nhà máy, cửa hàng hoặc kho bãi ở đó. Công ty con của các công ty nước ngoài được xem là đối tượng thường trú của nước mà các công ty con đó đang kinh doanh chứ không phải là nước đặt trụ sở của công ty mẹ.

Chính phủ, cho dù là cấp quốc gia, khu vực hay địa phương đều là đối tượng thường trú của chính những nước đó, cũng như tất cả các cơ quan khác của họ. Thậm chí cả các tòa đại sứ và các căn cứ quân sự của họ tại nước ngoài cũng vẫn được xem là đối tượng thường trú của nước nhà.

Nguyên tắc bút toán theo phát sinh

Cũng như các tài khoản quốc gia, các tài khoản trong CCTT được tổ chức trên cơ sở bút toán theo phát sinh chứ không phải trên cơ sở thực trả hoặc thực nhận tiền mặt. Một giao dịch quốc tế được ghi nhận ngay tại thời điểm **chuyển quyền sở hữu**, chứ không nhất thiết tính vào thời điểm thực hiện thanh toán. Thanh toán có thể được thực hiện ngay, hoặc 60 ngày sau khi chuyển quyền sở hữu hoặc không hề thanh toán. Việc áp dụng nguyên tắc chung này trên thực tế như thế nào tùy thuộc vào loại hình giao dịch:

- Giao dịch dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện.
- Thu nhập được ghi nhận khi phát sinh.
- Tiền lãi của một khoản nợ được ghi nhận khi đến hạn.
- Cổ tức được ghi nhận từ ngày phải trả.
- Chuyển giao được ghi nhận khi hàng hóa hoặc tiền có liên quan thay đổi quyền sở hữu.
- Các giao dịch về cổ phiếu và trái phiếu được ghi nhận khi cả hai bên nhập sổ trái quyền và nợ của mình.
- Rút tiền vay được ghi nhận khi thực hiện giải ngân.
- Trả nợ vay (vốn gốc) được ghi nhận khi đáo hạn.

Việc các tài khoản trong CCTT được lưu giữ trên nguyên tắc bút toán theo phát sinh là rất quan trọng để ghi nhận nghĩa vụ trả nợ (tiền lãi và thanh toán dần). Nhiều nước có gánh nặng nợ rất lớn không hoặc không thể thực hiện thanh toán đúng hạn. Nhưng theo nguyên tắc kế toán CCTT, tiền trả lãi và nợ gốc của một khoản vay nước ngoài được ghi nhận khi chúng đáo hạn theo như hợp đồng vay quy định, cho dù các khoản này có được thanh toán rồi hay chưa. Khi các khoản thanh toán nợ được thực hiện lúc đáo hạn, phần tương ứng được ghi vào mục đầu tư khác (khi thanh toán được một ngân hàng thương mại thực hiện) hoặc trong tài khoản dự trữ (khi thanh toán được ngân hàng trung ương thực hiện). Khi thanh toán nợ không được thực hiện khi đáo hạn, phần tương ứng được ghi vào mục tài trợ đặc biệt.

Kế toán ghi sổ kép

CCTT sử dụng phương pháp kế toán ghi sổ kép. Phương pháp này phản ánh sự thật là đa số các giao dịch đều có hai chiều. Chẳng hạn khi bạn mua một cuốn sách thì bạn có cuốn sách và đổi lại thì nhà sách nhận được tiền. Sử dụng kế toán ghi sổ kép, **mỗi chiều của một giao dịch đều được ghi vào CCTT**, một lần ghi vào bên có và một lần ghi vào bên nợ (hình 3). Cả hai lần ghi sổ đều

có giá trị bằng nhau. Trong một tài khoản chữ T, phần ghi có được thực hiện ở bên trái và phần ghi nợ ở bên phải. Trong cách trình bày chuẩn theo một cột của CCTT thì phần ghi có mang dấu cộng và phần ghi nợ được bắt đầu bằng dấu trừ.

Hình 3: Những cách trình bày khác nhau của CCTT

CCTT Tài khoản chữ T		CCTT Một cột
Ghi có	Ghi nợ	Ghi có + Ghi nợ -

Phương pháp này có một ưu điểm quan trọng bởi vì chúng ta biết rằng tổng của tất cả lần ghi có bằng tổng của tất cả lần ghi nợ. Do đó, sai sót là tương đối dễ phát hiện. Các nhà thống kê CCTT phải tập hợp thông tin từ nhiều nguồn, và việc tổng những lần ghi có và ghi nợ phải bằng nhau sẽ cảnh báo họ khi thông tin bị thiếu hoặc không đồng nhất. Nhưng việc ghi có và ghi nợ là giống nhau không có nghĩa là CCTT luôn luôn cân bằng. Suy cho cùng, phương pháp ghi sổ kép chỉ là một quy ước kế toán. Chúng ta sẽ thảo luận về các khoản thâm hụt và thặng dư, cách thức định nghĩa chúng và ý nghĩa của chúng ở phần sau trong bài này.

Chính xác thì những loại giao dịch nào được ghi vào bên có và những loại nào được ghi vào bên nợ? Có một số quy ước kế toán nhất định được áp dụng.

Bên có gồm:	Bên nợ gồm:
• Xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ. • Thu nhập phải thu; • Phần quà biếu tương ứng được nhận ; • Tăng nợ tài chính; và • Giảm tài sản tài chính	• Nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ; • Thu nhập phải trả; • Phần quà biếu tương ứng đã cấp; • Tăng tài sản tài chính; và • Giảm nợ tài chính.

Các khoản chuyển giao, cả trong tài khoản vãng lai và vốn, đều khác với các giao dịch khác ở chỗ chúng chỉ có một chiều. Nghĩa là, người tặng chỉ đưa quà mà chẳng nhận gì. Thế thì vấn đề này được xử lý như thế nào trong khuôn khổ kế toán ghi sổ kép của CCTT? Giải pháp là tạo ra một tài khoản ảo với cái tên **chuyển giao**, trong đó lần ghi sổ tương ứng của một giao dịch được ghi nhận. Chẳng hạn một món quà trị giá hai triệu đô la của một chính phủ nước ngoài được ghi nợ một lần, bởi vì nó tăng tài sản dự trữ, và một lần ghi có vào mục chuyển giao vãng lai. Nếu chính phủ nước ngoài tặng hàng hóa thì giao dịch được ghi nợ một lần vào tài khoản hàng hóa và một lần ghi có vào mục chuyển giao vãng lai.

CÔNG VIỆC

Bạn sẽ ghi các giao dịch sau đây như thế nào trong CCTT?

1. Xuất khẩu cà phê thô được thanh toán bằng ngoại tệ.
2. Nhập khẩu thảm phải thanh toán trong 60 ngày.
3. Viện trợ thực phẩm từ nước ngoài.
4. Lãi đến hạn của một khoản nợ công (khi thanh toán).
5. Lãi đáo hạn của một khoản nợ công (khi chưa thanh toán).

Viết câu trả lời của bạn vào những chỗ trống dưới đây:

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____

ĐÁP ÁN

1. Ghi có vào tài khoản hàng hóa và ghi nợ vào tài sản dự trữ.
2. Ghi nợ vào tài khoản hàng hóa và ghi có vào đầu tư khác.
3. Ghi nợ vào tài khoản hàng hóa và ghi có vào chuyển giao vãng lai.
4. Ghi nợ vào tài khoản thu nhập và ghi có vào tài sản dự trữ.
5. Ghi nợ vào tài khoản thu nhập và ghi có vào đầu tư khác (còn nợ).

Để tăng cường vốn hiểu biết của bạn về kế toán CCTT, hãy nghiên cứu tài liệu về cách trình bày chuẩn của CCTT trong đĩa CD-ROM *Tài khoản và Phân tích CCTT* đi cùng phần hướng dẫn học tập này. Để tìm ra đề tài đó, hãy theo những bước sau:

- Từ menu chính, chọn “BOP Institute”.
- Chọn “Standard Presentation”.
- Nhấp chuột vào bất kỳ mục nào nổi lên mà bạn muốn xem lại.
- Nghe những giải thích và ghi chú những điểm quan trọng.
- So sánh những ghi chú của bạn với những điều bạn đã học trong tập hướng dẫn nghiên cứu này.
- Phải nhớ trả lời các câu hỏi và so sánh những câu trả lời với phần đáp án.

4. Phân tích CCTT

Như chúng ta đã biết, CCTT luôn luôn ở thế cân bằng: tổng bút toán nợ luôn bằng tổng bút toán có. Tuy nhiên điều này lại không có lợi gì nhiều trong việc phân tích CCTT. Ví dụ như ta có thể cần xác định xem liệu có hiện tượng mất cân đối gây lo lắng trong bất kỳ khía cạnh nào của các giao dịch đối ngoại của nước sở tại. Để phân tích CCTT, chúng ta tập trung vào các xu hướng trong một số tập hợp nhất định các giao dịch tương tự, chẳng hạn như những giao dịch có liên quan đến hàng hóa, dịch vụ, đầu tư trực tiếp hoặc đầu tư gián tiếp. Cách trình bày phân tích của CCTT cho phép chúng ta xem xét các tập hợp giao dịch này.

Để chuyển cách trình bày chuẩn theo một cột của CCTT sang cách trình bày phân tích, chúng ta thực hiện hai thay đổi:

- Thứ nhất, chúng ta chia các tài khoản thành những nhóm để tính **ba cán cân riêng biệt**: cán cân ngoại thương, cán cân tài khoản vãng lai và cán cân tổng thể. Theo nghĩa đen,

chúng ta vẽ những đường cắt ngang bằng CCTT để phân chia những nhóm này, và chúng ta xem xét những mục nằm trên và nằm dưới đường này.

- Thứ hai, chúng ta sắp xếp lại một số mục được xem là có vai trò **tài trợ tổng thâm hụt** và đưa chúng về cuối bảng trình bày. Những mục này là những thay đổi trong tài sản và nợ dự trữ của ngân hàng trung ương, các khoản vay ròng từ IMF và tài trợ đặc biệt.

Sau khi phân nhóm và tái sắp xếp các mục trong CCTT, chúng ta tìm xem có bất kỳ hiện tượng mất cân đối nào giữa các bút toán có và nợ của mỗi nhóm giao dịch. Nếu các giao dịch nằm trên đường cắt ngang bị thâm hụt thì các giao dịch nằm dưới đường này phải thặng dư, và ngược lại. Để xác định chính xác phân nhóm nào để phân tích, ta cần phải có một đánh giá tương đối chủ quan, liên quan đến những chỉ báo tốt nhất phục vụ cho nhu cầu điều chỉnh CCTT. Một phương pháp là tự hỏi xem tiểu nhóm nào có thể là nguồn gốc của hiện tượng mất cân đối.

Hãy xem xét cán cân ngoại thương, cán cân tài khoản vãng lai và cán cân tổng thể.

Cán cân ngoại thương (hình 4) là chênh lệch giữa xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa. Từ quan điểm phân tích, sự phân biệt giữa hàng hóa và dịch vụ mang tính võ đoán. Chẳng hạn như một đơn vị ngoại hối do một công ty vận tải kiếm được nhờ dịch vụ của mình và một đơn vị ngoại hối do một nhà xuất khẩu cà phê kiếm được đều có tác dụng tăng cường CCTT như nhau. Tuy nhiên, trong thực tế cán cân ngoại thương rất hữu ích bởi vì nó thường là chỉ báo đúng lúc về những xu hướng trong cán cân tài khoản vãng lai. Bên hải quan thường có thể cung cấp dữ liệu về ngoại thương hàng hóa từ trước rất nhiều so với khi có được các dữ liệu về thương mại dịch vụ trong cùng giai đoạn.

Hình 4: Cán cân ngoại thương

	Hàng hóa	-10
Trên đường cắt ngang	Cán cân ngoại thương	-10
Dưới đường cắt ngang	Tài trợ	
	Dịch vụ	-5
	Thu nhập	4
	Chuyển giao vãng lai	-4
	Tài khoản vốn	1
	Đầu tư trực tiếp	2
	Đầu tư gián tiếp	-2
	Đầu tư khác	10
	Dự trữ và các mục có liên quan	4

Cán cân tài khoản vãng lai (Hình 5) có lẽ là chỉ báo được sử dụng nhiều nhất về sự mất cân đối giao dịch với bên ngoài của một quốc gia. Đó chính là chênh lệch giữa bên có và bên nợ của tất cả các giao dịch vãng lai: trong hàng hóa, dịch vụ, thu nhập và chuyển giao vãng lai. Nó cho chúng ta biết các xu hướng của nhóm giao dịch này (ngược với các giao dịch tài chính) với các nước khác.

Hình 5: Cán cân tài khoản vãng lai

	Hàng hóa	-10
	Dịch vụ	-5
	Thu nhập	4
	Chuyển giao vãng lai	-4
Trên đường cắt ngang	Cán cân tài khoản vãng lai	-15
Dưới đường cắt ngang	Tài Trợ	15
	Tài khoản vốn	1
	Đầu tư trực tiếp	2
	Đầu tư gián tiếp	-2
	Đầu tư khác	10
	Dự trữ và các mục có liên quan	4

Một nước bị thâm hụt tài khoản vãng lai là một nước có cán cân âm trong các giao dịch vãng lai của mình với tất cả các nước khác cộng lại. Nước sở tại có thể thật sự có thặng dư với một số nước nhưng lại chịu các khoản thâm hụt còn lớn hơn nữa với các nước khác. Bằng một cách nào đó, chênh lệch này phải được xử lý bằng cách dùng nguồn dự trữ của nước sở tại để thanh toán ngay cho khoản còn thiếu hay bằng cách thương thuyết xin vay để trả sau.

Cán cân tài khoản vãng lai được tài trợ bằng giao dịch trong tài khoản tài chính. Khi tài khoản vãng lai bị thâm hụt thì tài khoản tài chính có thặng dư. Điều này có nghĩa là nước sở tại đang vay từ nước ngoài hoặc sử dụng các nguồn dự trữ quốc tế của mình. Tài trợ thâm hụt tài khoản vãng lai cũng rất giống như cân bằng ngân sách gia đình bạn. Nếu chi tiêu vượt quá thu nhập thì bạn phải tìm cho ra tiền ở đâu đó để bù đắp lại phần chi phụ trội, hoặc bằng cách sử dụng tiết kiệm hoặc bằng cách đi vay.

Cán cân tổng thể (Hình 6) bằng cán cân tài khoản vãng lai cộng với tất cả các giao dịch tài chính và vốn của khu vực nhà nước và tư nhân. Cán cân này gồm cả các giao dịch của nhà nước và các ngân hàng thương mại của nước sở tại với đối tượng phi thường trú. Nó không bao gồm các giao dịch của ngân hàng trung ương nằm dưới đường cắt ngang. Cán cân tổng thể cũng là một chỉ báo quan trọng cho tình hình thanh toán đối ngoại.

Hình 6: Cán cân tổng thể

	Hàng hóa	-10
	Dịch vụ	-5
	Thu nhập	4
	Chuyển giao vãng lai	-4
Trên đường cắt ngang	Tài khoản vốn	1
	Đầu tư trực tiếp	2
	Đầu tư gián tiếp	-2
	Đầu tư khác	10
	Cán cân tổng thể	-4
	Tài trợ	4
Dưới đường cắt ngang	Dự trữ và các mục có liên quan	4

Nếu cán cân tổng thể bị thâm hụt thì ngân hàng trung ương có bốn lựa chọn để tài trợ khoản thâm hụt này. Ngân hàng trung ương có thể:

- Sử dụng các quỹ dự trữ quốc tế của mình;
- Vay dự trữ từ các ngân hàng trung ương khác;
- Vay IMF; hoặc
- Thực hiện tài trợ đặc biệt.

Trong cách trình bày phân tích, **nguồn dự trữ quốc tế ròng** bằng với tổng dự trữ (những nguồn dự trữ này được ghi vào mục tài sản dự trữ trong bảng trình bày chuẩn) trừ nợ nước ngoài của ngân hàng trung ương (các hạng mục này được ghi trong phần đầu tư khác của bảng trình bày chuẩn).

Vay từ IMF là một lựa chọn khác để tài trợ thâm hụt CCTT tổng thể. (Chúng ta đã thảo luận các chương trình và cơ chế hỗ trợ tài chính khác nhau của IMF trong bài 3). Vay IMF cũng được ghi dưới dạng ròng, nghĩa là phần giải ngân ròng của các khoản vay trước đây.

Ngoài những cách “thông thường” để tài trợ thâm hụt CCTT, còn có 3 hình thức **tài trợ đặc biệt**:

- Không có khả năng thanh toán;
- Hoãn trả nợ; và
- Xóa nợ.

Không có khả năng thanh toán phát sinh khi ngân hàng trung ương không có nguồn dự trữ quốc tế cần thiết để tài trợ thâm hụt CCTT – ngân hàng trung ương tuyên bố không có khả năng trả nợ. Trong trường hợp này đối tượng thường trú có khoản thanh toán đáo hạn (dù là cá nhân hay chính phủ) có đủ nội tệ để thanh toán nhưng có đủ lượng ngoại tệ cần thiết từ ngân hàng trung ương.

Hoãn trả nợ cũng tương tự như không có khả năng thanh toán ở chỗ ngân hàng trung ương không có đủ nguồn dự trữ để thanh toán khi đáo hạn. Khác biệt ở đây là, thay vì tuyên bố không trả được nợ, nước sở tại ký một thỏa thuận với các chủ nợ để hoãn thanh toán. Theo phương pháp bút toán theo phát sinh thì thanh toán tiền lãi và nợ gốc được ghi vào CCTT khi chúng đáo hạn, cho dù các khoản này có được thanh toán hay chưa. Khi chúng được thanh toán, các giao dịch này được ghi tương ứng vào mục dự trữ. Khi chưa được thanh toán, phần tương ứng được ghi vào mục tài trợ đặc biệt.

Xóa nợ là việc hủy một khoản nợ hiện hữu. Nó làm giảm bớt khó khăn trong CCTT mà món nợ đó gây ra.

Hoãn trả nợ và xóa nợ được bàn chi tiết hơn trong Bài 17.

Tiếp tục bài tập

1. Bảng 1 là cách trình bày phân tích của CCTT ở Thổ Nhĩ Kỳ. (Bạn cũng có thể thấy bảng này ở tập tin số 5 Assignment.xls trong đĩa mềm kèm theo bài này). Trong bài tập, hãy nhận xét về những diễn biến trong cán cân tài khoản vãng lai suốt thời gian 5 năm. Để bắt đầu phân tích, hãy tính tốc độ thay đổi trong các mục chính (xuất khẩu, nhập khẩu, dịch vụ và chuyển giao) trong năm 1994 và 1995. Sau đó tính tỉ lệ của từng mục so với GDP, cũng tính cả cán cân ngoại thương, cán cân tài khoản vãng lai và cán cân tổng thể theo tỷ lệ phần trăm của GDP.

Tài khoản vãng lai được tài trợ như thế nào? Bạn có nhận thấy những thay đổi nào trong tài khoản tài chính suốt hai năm vừa qua?

Bảng 1

Thổ Nhĩ Kỳ: Cán cân thanh toán quốc tế, 1991-95

	1991	1992	1993	1994	1995
	(Triệu USD)				
Cán cân ngoại thương	-7.340	-8.190	-14.160	-4.216	-13.212
Xuất khẩu, f.o.b	13.667	14.891	15.611	18.390	21.975
Nhập khẩu, f.o.b	-21.007	-23.081	-29.771	-22.606	-35.187
Dịch vụ, ròng	5.154	5.782	6.704	7.019	9.582
Dịch vụ, có	8.372	9.407	10.652	10.801	14.606
Dịch vụ, nợ	-3.218	-3.625	-3.948	-3.782	-5.024
Chuyển giao, ròng	5.099	4.059	3.768	3.092	4.496
Thu nhập đầu tư, ròng	-2.663	-2.625	-2.745	-3.264	-3.205
Cán cân tài khoản vãng lai	250	-947	-6.433	2.631	-2.339
Tài khoản tài chính, ròng	-2.397	3.648	8.963	-4.194	4.722
Vốn dài hạn	623	2.252	5.909	933	2.417
Vốn ngắn hạn	-3.020	1.396	3.054	-5.127	2.305
Trong đó: ngân hàng thương mại	-112	-364	822	-4.071	752
Sai số	1.118	-1.190	-2.222	1.769	2.275
Cán cân tổng thể	-1.029	-1.484	308	206	4.658
Tổng thay đổi dự trữ, ròng	1.029	-1.484	-308	-206	-4.658
IMF	0	0	0	340	347
Dự trữ chính thức	1.029	-1.484	-308	-546	-5.005
Tỉ giá hối đoái (<i>b/q giai đoạn, lira/USD</i>)	4.172	6.872	10.985	29.609	45.845
GDP danh nghĩa (<i>ngàn tỉ lira</i>)	630,1	1.093,4	1.981,9	3.868,4	7.554,8
GDP danh nghĩa (<i>triệu USD</i>)	151.031	159.109	180.419	-	-
	(tỷ lệ %)				
Thay đổi xuất khẩu, f.o.b	4,9	8,2	4,6	-	-
Thay đổi nhập khẩu, f.o.b	-7,0	9,0	22,5	-	-
Thay đổi dịch vụ, ròng	3,6	10,9	13,8	-	-

Thay đổi chuyển giao, ròng	13,3	-25,6	-7,7	-	-
	(tỷ lệ % GDP)				
Xuất khẩu, f.o.b	9,0	9,4	8,7	-	-
Nhập khẩu, fob	13,9	-14,5	-16,5	-	-
Dịch vụ, ròng	3,4	3,6	3,7	-	-
Chuyển, ròng	3,4	2,6	2,1	-	-
Cán cân ngoại thương	-4,9	-5,1	-7,8	-	-
Cán cân tài khoản vãng lai	0,2	-0,6	-3,6	-	-
Cán cân tổng thể	-0,7	0,9	0,2	-	-